

ẢNH HƯỞNG CỦA DI CƯ LAO ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN: NGHIÊN CỨU TẠI XÃ PHƯƠNG MAO, HUYỆN QUẾ VÔ, TỈNH BẮC NINH

Nguyễn Thị Hải Ninh*, Trần Hương Giang

¹*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: ntaininh@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.06.2020

Ngày chấp nhận đăng: 20.07.2020

TÓM TẮT

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa khiến một bộ phận lớn nông dân mất đất canh tác, trở nên không có công ăn việc làm, cần di cư kiếm sống. Đây là hai yếu tố hàng đầu thúc đẩy lao động nông thôn di cư ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Bắc Ninh nói riêng. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu phân tích ảnh hưởng của di cư lao động đến hoạt động trồng trọt của các hộ nông dân. Dựa trên số liệu sơ cấp thu thập được ở 80 hộ nông dân xã Phương Mao, nghiên cứu cho thấy các hộ nông dân có lao động di cư đã thích ứng với sự thay đổi quy mô lao động gia đình như thu hẹp diện tích trồng trọt; thuê lao động thời vụ; tập trung cấy 2 vụ lúa đáp ứng nhu cầu gia đình thay vì trồng cả cây vụ đông. Ngoài ra, mô hình lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động trồng trọt chỉ ra rằng các hộ có nguồn thu nhập gửi về từ lao động di cư càng cao thì càng có xu hướng chuyển sang trồng 2 vụ lúa. Sự thích ứng của các hộ nông dân trong bối cảnh di cư lao động minh chứng xu hướng kết hợp hài hòa giữa sản xuất nông nghiệp với di cư lao động nhằm nâng cao thu nhập nhưng đảm bảo an ninh lương thực.

Từ khóa: Di cư lao động, sản xuất trồng trọt, hộ nông dân, ảnh hưởng.

Effects of Labor Migration on Crop Production at Farm Households: A Case Study in Phuong Mao Commune, Que Vo District, Bac Ninh Province

ABSTRACT

The rapid development of industrial zones and urbanization in Vietnam lead to a large proportion of farmers who have lost farmland, become unemployed and have to migrate to other places to earn their living. These are two important reasons motivating migrant workers in Vietnam in general and in Bac Ninh province in particular. This study aimed to analyze the effects of labor migration on crop production at farm households of Bac Ninh. Based on the primary data collected through interviews with 80 farmer households in Phuong Mao commune, Que Vo district, the study showed that farm households with migrant laborers had several ways to adapt to the lack of family laborers, such as shrinking cultivated areas; hiring additional seasonal workers; focusing on two rice crop production to meet family needs instead of 3 crop seasons (including winter season). Moreover, the results of applying the binary logistic model indicated that the higher the income of the remittance households, the more likely they were to switch to growing two rice crops and leaving out the winter crops. The adaptation of farm households in the context of labor migration illustrated the trend of flexible combinations between agricultural production with labor migration in order to increase income while ensuring food security.

Keywords: Labor migration, crop production, farm household, impact.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiến trình công nghiệp hóa của Việt Nam từ sau “Đổi mới” đã góp phần tạo nên một làn sóng di cư lao động từ khu vực nông thôn ra thành thị để tìm kiếm cơ hội việc làm với mức thu nhập cao hơn. Nghiên cứu cho thấy, lao động di

cư thường là những người trẻ, có sức khỏe, kỹ năng và trình độ (UNFPA, 2016). Sự di cư của họ đã để lại khoảng trống lớn trong thị trường lao động nông thôn, đặc biệt là tình trạng lao động không qua đào tạo và lao động lớn tuổi trong sản xuất nông nghiệp (ILO, 2011). Nói cách khác, di cư lao động ở cấp độ vĩ mô là lý do

khiến chất lượng nguồn nhân lực cho nông nghiệp sụt giảm, đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra sự thiếu hụt lao động nông nghiệp ở nhiều vùng nông thôn Việt Nam (Worldbank, 2008). Ở cấp độ hộ, di cư lao động làm giảm sút số lượng lao động gia đình, qua đó làm tăng nhu cầu thuê mướn lao động cho sản xuất nông nghiệp hoặc thay đổi cơ cấu sản xuất để thích ứng. So với chăn nuôi thì trồng trọt là hoạt động chịu nhiều ảnh hưởng từ di cư lao động bởi sự phụ thuộc lớn hơn vào nguồn lao động gia đình (Nguyễn & cs., 2015)

Quế Võ là huyện còn duy trì diện tích trồng trọt lớn nhất của tỉnh Bắc Ninh với gần 14 nghìn hecta (Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, 2019). Song song với đó, Quế Võ cũng là huyện có nhiều khu công nghiệp thu hút số lượng đáng kể lao động địa phương, tạo ra sự di cư lao động lớn trong toàn huyện. Không chỉ di chuyển trong huyện, người lao động của Quế Võ còn góp mặt đông đảo tại các thị trường lao động lớn trong nước như Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh hoặc nước ngoài như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc (Lê Thái Thị Băng Tâm, 2011). Mặc dù còn duy trì được diện tích trồng lúa và cây vụ đông lớn nhưng di cư lao động đã có những tác động nhất định đến hoạt động trồng trọt của các hộ nông dân của huyện trên các phương diện: diện tích, cơ cấu cây trồng, cơ cấu lao động và thu nhập từ trồng trọt.

Trước thực tế này, việc đánh giá ảnh hưởng của di cư lao động đến sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân trên địa bàn huyện là cần thiết để đề xuất giải pháp duy trì sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực của địa phương trong bối cảnh lao động di cư ngày một gia tăng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Huyện Quế Võ có 20 xã và 01 thị trấn. Phụng Công là xã nằm kề thị trấn Phố Mới và cách thành phố Bắc Ninh 10km, do đó người lao động trong xã có nhiều cơ hội di chuyển để tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp. Bên cạnh đó, xã Phụng Công được bao quanh bởi nhiều khu công nghiệp khiến cho sự di cư của người lao động cũng trở nên đa dạng. Ở Phụng Công không chỉ

có lao động di cư nước ngoài, lao động di cư trong nước mà còn có một số lượng đông đảo lao động không còn tham gia sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn sống tại địa phương.

2.2. Thu thập và phân tích thông tin

Số liệu thống kê về lao động di cư trên địa bàn xã Phụng Công được thu thập dựa trên các báo cáo của huyện Quế Võ và của Ủy ban nhân dân xã. Bên cạnh đó, thông tin sơ cấp về di cư lao động và hoạt động trồng trọt của các hộ nông dân được thu thập thông qua phỏng vấn bằng bảng hỏi với chủ hộ và phỏng vấn sâu một số lao động di cư. Để đảm bảo tính đại diện, 60 hộ có lao động di cư (sau đây được hiểu ngắn gọn là hộ di cư) và 20 hộ không có lao động di cư (sau đây được hiểu ngắn gọn là hộ không di cư) đã được lựa chọn cho mẫu điều tra. Những hộ không có lao động di cư có sinh kế dựa trên sự kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp và các hoạt động phi nông nghiệp khác.

Số liệu sơ cấp được làm sạch, xử lý và phân tích dựa trên các phương pháp thống kê mô tả và so sánh. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng mô hình binary logistic để lượng hóa ảnh hưởng của di cư lao động đến sản xuất trồng trọt tại các hộ nông dân. Mô hình có biến phụ thuộc Y_i là biến dummy đại diện cho sản xuất trồng trọt, nhận giá trị 0 nếu hộ sản xuất đủ 3 vụ/năm (bao gồm cả lúa, rau màu) và nhận giá trị 1 nếu hộ chỉ trồng lúa. Biến độc lập (X_i) bao gồm giới tính (X_1 : nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là nữ và giá trị 1 nếu chủ hộ là nam); tuổi (X_2 : tuổi); nghề nghiệp của chủ hộ (X_3 : nhận giá trị 0 nếu chủ hộ làm nông nghiệp và giá trị 1 nếu chủ hộ làm phi nông nghiệp); số lao động di cư (X_4 : người), số lao động gia đình của hộ (X_5 : người); thu nhập từ lao động di cư (X_6 : triệu đồng/tháng); diện tích canh tác (X_7 : m²).

$$\ln[P(Y=1)/P(Y=0)] = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \dots + \beta_i X_i$$

(với $i = 1-7$)

Trong đó $P(Y = 0)$ là xác suất hộ sản xuất đủ 3 vụ/năm và $P(Y = 1) = P_0$ là xác suất hộ chỉ trồng lúa. Nếu coi P_0 là xác suất ban đầu để hộ trồng lúa thì xác suất thay đổi hoạt động trồng trọt được tính theo công thức:

$$P_1 = P_0 \times e^{\beta} / [1 - P_0(1 - e^{\beta})] \text{ (Định Phi Hổ, 2011).}$$

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng di cư lao động trên địa bàn xã Phụng Mao

3.1.1. Khái quát về lao động xã Phụng Mao

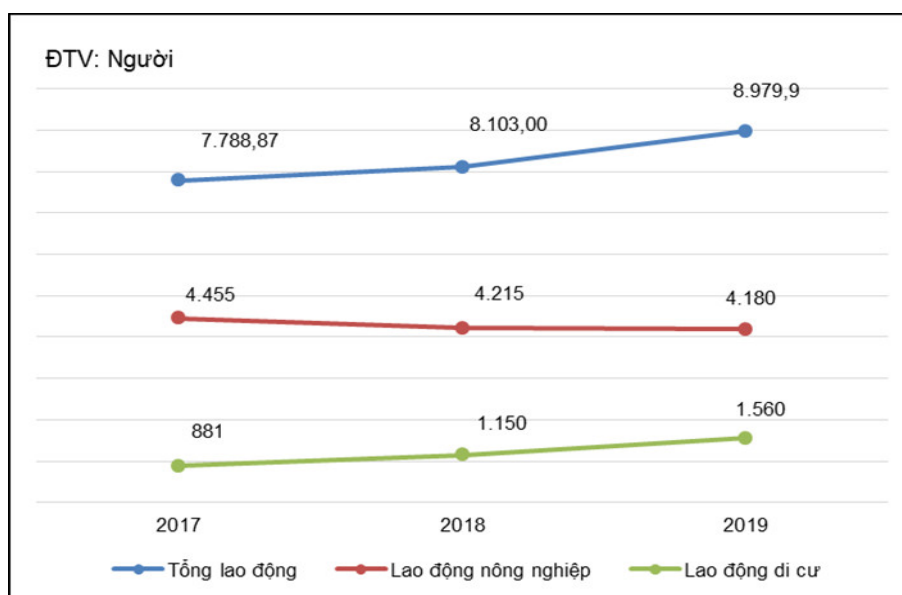
Trong khoảng thời gian 3 năm, từ 2017-2019, số lượng lao động nông nghiệp xã Phụng Mao giảm với tỷ lệ bình quân 10,3 %/năm. Ngược lại là xu hướng tăng lên của lao động di cư với tỷ lệ 13,3 %/năm, hầu hết là dịch chuyển để làm việc trong khu vực phi nông nghiệp (Hình 1). Sự dịch chuyển lao động này đến từ các nguyên nhân chính tương đồng với các nghiên cứu có liên quan khác như: đất canh tác của hộ gia đình bị thu hẹp để xây dựng khu công nghiệp và đô thị khiến số lao động gia đình tham gia nông nghiệp giảm, trong bối cảnh này, lao động nông nghiệp dư thừa buộc phải di cư để tìm công việc mới; thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp hơn nhiều so với hoạt động phi nông nghiệp cũng như cơ hội tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp ngày càng thuận lợi đã thúc đẩy lao động trong hộ di cư mặc dù vẫn có đủ đất canh tác (Trần Nguyệt Minh Thu, 2013).

Xét về độ tuổi và giới tính, số liệu thống kê năm 2019 của xã Phụng Mao cho thấy lao động nam giới di cư nhiều hơn nữ giới, đặc biệt tập trung ở độ tuổi 25-44 (Hình 2). Hiện trạng này

phù hợp với những kết quả nghiên cứu về lao động di cư khu vực đồng bằng sông Hồng cho rằng “lao động nam giới có nhiều ưu thế hơn nữ giới khi di cư để tìm việc làm” và hệ quả là xuất hiện “xu hướng nữ hóa và già hóa trong lực lượng lao động cho sản xuất nông nghiệp ở nông thôn” (Nguyễn & cs., 2015; Hoang, 2009). Bên cạnh đó, lao động trong khoảng tuổi từ 25 đến 44 cũng có cơ hội tìm kiếm việc làm lớn hơn các độ tuổi khác vì họ có sức khỏe, sự nhanh nhẹn và chín chắn khi làm việc.

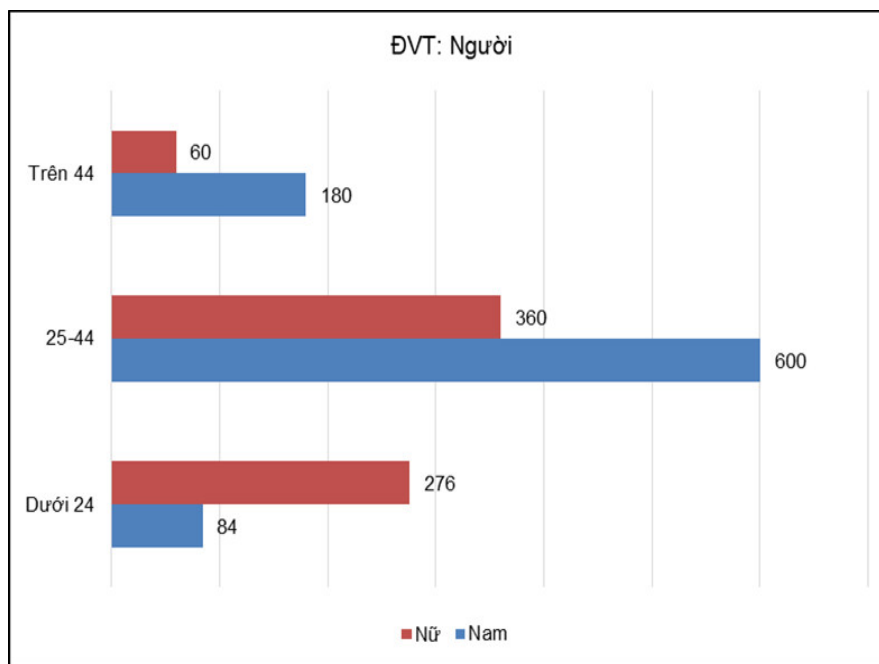
3.1.2. Di cư lao động tại các hộ điều tra

Trong các cuộc điều tra dân số ở Việt Nam, di cư được định nghĩa là sự di chuyển của con người từ một đơn vị hành chính này đến một đơn vị hành chính khác, đó là chuyển đến một xã khác, huyện khác, thành phố hoặc một tỉnh khác trong một khoảng thời gian nhất định (UNFPA, 2016). Cụ thể hơn, lao động di cư trong nước là người di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác trong một thời gian nhất định với mục đích lao động, làm việc (Nguyễn Hữu Chí, 2017). Với định nghĩa này, tổng số lao động di cư ở 60 hộ điều tra tại Phụng Mao là 159 người, trong đó có 66 lao động xuất khẩu (chiếm 41,5%) và 93 lao động di cư trong nước (chiếm 58,5%).



Nguồn: UBND xã Phụng Mao (2019).

Hình 1. Xu hướng di cư lao động tại xã Phụng Mao qua các năm



Hình 2. Phân bố tuổi và giới tính của lao động di cư xã Phước Mao 2019

Công việc của lao động di cư khá đa dạng (Bảng 1), tập trung ở một số loại hình như: nhân viên văn phòng (chiếm tỷ lệ thấp vì lao động cần có trình độ đào tạo nhất định); công nhân (là công việc phổ biến của xấp xỉ 51% lao động di cư vì chỉ cần đào tạo trong thời gian ngắn); giúp việc gia đình (chiếm hơn 15% và tất cả đều là lao động nữ); lao động tự do như xe ôm, bán hàng rong, thợ xây và phụ hồ (chiếm 24,5%, chủ yếu là những người trên 45 tuổi). Đặc điểm công việc của lao động di cư là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự tham gia của họ vào sản xuất nông nghiệp tại gia đình. Với yếu tố thời vụ rõ rệt, hoạt động trồng trọt không nhất thiết cần sự có mặt của lao động tại mọi thời điểm của quá trình sản xuất. Do đó, lao động giúp việc gia đình hoặc làm nghề tự do vẫn có thể tham gia sản xuất nông nghiệp khi thời vụ như cấy, gặt lúa hay gieo trồng và thu hoạch cây vụ đông. Tác động của di cư lao động tới trồng trọt tại các hộ điều tra sẽ được phân tích cụ thể ở nội dung tiếp theo.

3.2. Ảnh hưởng của di cư lao động tới trồng trọt tại các hộ điều tra

3.2.1 Ảnh hưởng của di cư lao động tới sử dụng đất đai

Cùng với lao động, đất đai là nguồn lực

không thể thiếu trong sản xuất nông nghiệp. Vì lý do này mà đất sản xuất nông nghiệp là yếu tố có nhiều biến động sau quá trình di cư lao động của các hộ gia đình. Theo kết quả khảo sát, biến động đất nông nghiệp thể hiện trên 2 xu hướng: cho thuê, mượn đất ở các hộ có nhiều lao động di cư, thiếu lao động gia đình; và đi thuê, mượn đất ở những hộ có lao động gia đình dồi dào. Hai xu hướng này tạo nên mối quan hệ cung và cầu trên thị trường đất nông nghiệp ở xã Phước Mao. Cung đất nông nghiệp phần lớn (45% số hộ) là những hộ có lao động di cư, diện tích cho thuê mượn trung bình 744 m²/hộ. Ngược lại, nhiều hộ không có lao động di cư (40%) có nhu cầu thuê thêm đất canh tác, diện tích thuê mượn trung bình mỗi hộ là 2.164m². Kiểm định Mann Whitney cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm hộ có lao động di cư và nhóm hộ không có lao động di cư về diện tích đất nông nghiệp thuê thêm (Bảng 2).

Nghiên cứu sâu hơn ở các hộ có lao động di cư cho thấy, di cư nước ngoài và di cư ngoại tỉnh khiến lực lượng lao động gia đình sụt giảm tương đối lớn, nhiều hộ chỉ còn người già và trẻ em ở nhà nên cho thuê mượn toàn bộ ruộng đất. Tuy nhiên, đối với nhóm hộ có lao động di cư trong tỉnh thì xuất hiện xu hướng giữ lại một phần diện

Ảnh hưởng của di cư lao động đến sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân: Nghiên cứu tại xã Phượng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

tích đất vừa đủ để phục vụ nhu cầu lương thực cho gia đình. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Anh & cs. (2015) tại Nghệ An cho rằng lý do cơ bản hình thành thị trường

thuê mướn đất nông nghiệp ở khu vực nông thôn là từ sự thay đổi trong quy mô lao động nông nghiệp của hộ mà trong đó, di cư lao động là yếu tố chính dẫn tới sự thay đổi quy mô này.

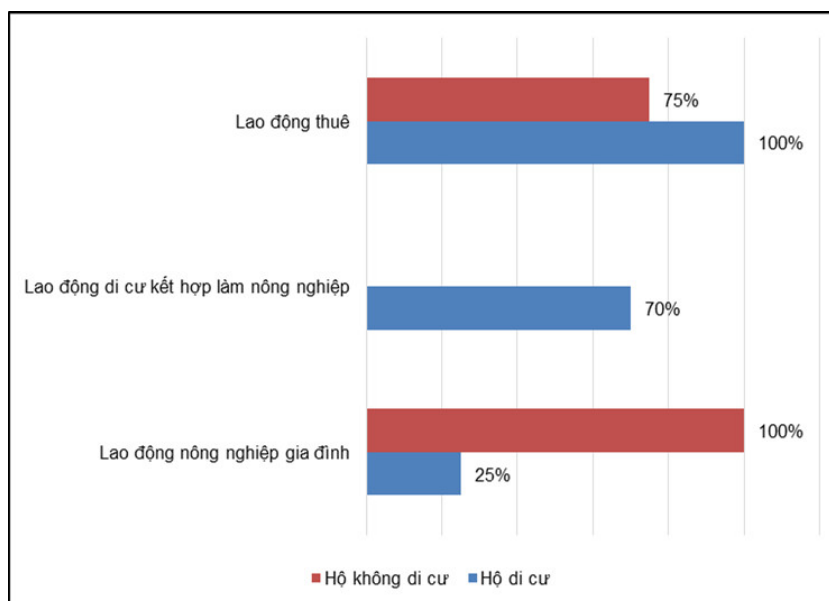
Bảng 1. Thông tin cơ bản về lao động di cư tại các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Số người	Tỷ lệ (%)
Loại hình di cư	159	100
Trong nước	93	58,49
Nước ngoài	66	41,51
Loại hình công việc	159	100
Nhân viên văn phòng	15	9,43
Công nhân	81	50,94
Giúp việc gia đình	24	15,09
Lao động tự do	39	24,53

Bảng 2. Hiện trạng đất nông nghiệp của các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ di cư (n = 60)	Hộ không di cư (n = 20)	Mann Whitney test
Đất nông nghiệp	m ²	2.412	5.152	0,045**
Cho thuê đất				
Số hộ	hộ	27	2	
Diện tích	m ² /hộ	744	720	0,238
Đi thuê đất				
Số hộ	hộ	0	8	
Diện tích	m ² /hộ	0	2164	0,096*

Chú thích: * mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.



Hình 3. Hiện trạng sử dụng lao động trong trồng trọt

Mặc dù có sự tồn tại của thị trường thuê mướn đất nông nghiệp giữa các hộ di cư lao động và hộ không di cư lao động, nhưng tất cả các giao dịch đều dựa trên lòng tin và thỏa thuận miệng vì hầu hết các hộ đều có quan hệ họ hàng quen biết. Có thể nói, trong ngắn hạn, thị trường thuê mướn đất có thể giúp duy trì diện tích trồng trọt của địa phương vì ruộng đất không bị các hộ bỏ hoang.

3.2.2. Ảnh hưởng của di cư lao động tới sử dụng lao động trong trồng trọt

Hoạt động trồng trọt ở Việt Nam nói chung, sản xuất lúa nói riêng cần nhiều nhân lực hơn so với một số lĩnh vực nông nghiệp khác bởi yếu tố thời vụ. Trong bối cảnh thiếu lao động gia đình do di cư, các hộ thường có sự trao đổi lao động nông nghiệp ở một mức độ nhất định (Bergstedt, 2012). Điều này khiến cho thị trường lao động thuê ở khu vực nông thôn trở thành yếu tố quan trọng nhằm giúp các hộ duy trì các hoạt động trồng trọt (Mai Văn Hải, 2000).

Kết quả thống kê cho thấy, toàn bộ các hộ có lao động di cư phải thuê thêm lao động. Không những thế, 75% số hộ không có lao động di cư cũng phải tham gia vào thị trường này (Hình 3). Lý do chính là vào thời điểm mùa vụ, các hộ đều không có đủ lao động gia đình. Lao động thường được thuê để cấy và gặt lúa, một số hộ không có lao động di cư thuê thêm lao động để trồng và thu hoạch khoai tây vào vụ đông. Tùy thuộc vào diện tích gieo trồng mà số lượng lao động thuê của cả 2 nhóm hộ dao động từ 2 đến 5 người/ngày và 1-3 ngày/vụ. Tiền công của người làm thuê từ 200.000 đến 300.000 đồng/ngày theo loại hình công việc. Các chủ hộ không có lao động di cư cho rằng họ tham gia thị trường lao động thuê trong trồng trọt với cả hai vai trò: cầu và cung lao động. Nói cách khác, nhiều lao động trong nhóm hộ này vẫn đi làm thuê cho các hộ có lao động di cư sau khi kết thúc công việc của nhà mình.

Bên cạnh việc sử dụng lao động thuê, các hộ có lao động di cư thường cố gắng kết hợp công việc của lao động di cư với hoạt động nông nghiệp. Thực trạng này xuất hiện phổ biến (70%) ở những hộ có lao động di cư trong tỉnh hoặc làm việc ở những tỉnh lân cận như Hà Nội,

Hải Dương. Những lao động di cư này làm nghề tự do nên họ thường thu xếp công việc để quay trở về phụ giúp gia đình vào những lúc thời vụ. Ngoài ra, thống kê cho thấy 25% hộ có lao động di cư vẫn dựa vào lao động gia đình để thực hiện các hoạt động trồng cấy, đó là những người lớn tuổi, người không đủ sức khỏe hoặc người vợ có chồng đi làm xa nên phải ở nhà chăm sóc cha mẹ, con cái. Trên giác độ kinh tế, những người phụ nữ này cũng là nguồn cung tham gia vào thị trường lao động làm thuê trong nông nghiệp. Trên giác độ xã hội, họ góp phần làm ổn định môi trường xã hội khu vực nông thôn bởi họ duy trì cuộc sống gia đình, gánh trên vai gánh nặng nuôi dạy con cái và thường được biết đến với khái niệm “mồ côi chồng” (Nguyen & cs., 2015).

“Tôi sinh năm 1970, ở tuổi này tôi khó có khả năng đi ra ngoài tìm kiếm việc làm ở các công ty may như những người trẻ. Hơn thế nữa, chồng tôi đi làm bảo vệ ở Hà Nội, con trai thì xuất khẩu lao động ở Đài Loan nên tôi phải ở nhà chăm lo cho mẹ chồng và 2 con còn đang đi học. Khi thời vụ, chồng tôi không thể nghỉ việc để về nhà nên thường gửi tiền về cho tôi thuê người cấy, gặt. Do thiếu lao động nên mỗi năm tôi chỉ cấy 2 vụ lúa trên diện tích đất của nhà mình, thời gian còn lại tôi làm thuê xung quanh các thôn trong xã để thuận tiện đi lại trong ngày, chu toàn được việc nhà cửa” (Phỏng vấn sâu chủ hộ nữ, xã Phượng Mao, 2019).

3.2.3. Ảnh hưởng của di cư lao động tới cơ cấu cây trồng

Di cư lao động còn có ảnh hưởng trực tiếp tới cơ cấu cây trồng của các hộ. Lúa là cây lương thực chủ đạo nên mặc dù có nhiều lao động di cư nhưng 100% các hộ di cư vẫn giữ 2 vụ lúa, tuy nhiên diện tích trồng lúa của nhóm hộ này chỉ bằng một nửa so với diện tích trồng lúa của nhóm hộ không có lao động di cư (bảng 3). Đối với cây vụ đông (khoai tây, bắp cải, cà chua), chỉ có 5% số hộ có lao động di cư còn duy trì trên diện tích tương đối nhỏ (dưới 1 sào). Nhóm hộ không có lao động di cư có sinh kế phụ thuộc nhiều hơn vào nông nghiệp, do đó 90% số hộ vẫn duy trì diện tích lớn cây vụ đông. Kiểm định Mann Whitney cho thấy một sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về diện tích lúa và diện tích cây vụ đông giữa hai nhóm hộ.

Bảng 3. Cơ cấu và mục tiêu trồng trọt

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ di cư (n=60)	Hộ không di cư (n=20)	Mann Whitney test
Diện tích cây trồng				
Lúa	m ²	2412	5152	0,045**
Tỷ lệ hộ trồng lúa	%	100	100	
Cây vụ đông	m ²	230	3096	0,087*
Tỷ lệ hộ trồng cây vụ đông	%	5	90	
Mục tiêu trồng trọt				
Tiêu dùng gia đình	%	100	100	
Bán	%	5	100	

Chú thích: * mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.

Nguồn lực lao động là nguyên nhân của sự khác biệt về diện tích trồng trọt giữa 2 nhóm hộ. Một nguyên nhân khác đến từ mục đích của việc trồng trọt. Tất cả các hộ có lao động di cư đều trồng lúa nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng gia đình. Họ duy trì diện tích lúa để vừa giữ ruộng, vừa có thóc ăn. Ở Phượng Mao, công tác dồn điền đổi thửa đã kết thúc nhiều năm, với diện tích liên mảnh, các hộ nông dân được chính quyền địa phương khuyến khích trồng trọt, không bỏ ruộng hoang. Hơn thế nữa, ở nhóm hộ này, thóc sau khi thu hoạch còn được cung cấp cho các con đi làm xa. Ngược lại, ở nhóm hộ không có lao động di cư, sản phẩm trồng trọt vừa phục vụ nhu cầu tiêu dùng gia đình, vừa để bán ra thị trường. Thóc lúa thường được tiêu thụ ở thị trường địa phương thông qua các trung gian nhỏ, nhưng rau vụ đông (đặc biệt là khoai tây) thường được thu mua bởi các công ty lớn làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

3.3. Đánh giá của hộ nông dân về ảnh hưởng của di cư lao động đến trồng trọt

3.3.1. Đánh giá của hai nhóm hộ điều tra

Chủ hộ có lao động di cư được yêu cầu so sánh các nội dung cần đánh giá giữa hai thời điểm trước và sau khi lao động của hộ di cư. Trong trường hợp hộ có nhiều lao động di cư thì thời điểm sau sẽ được tính là thời điểm của lao động di cư cuối cùng. Đối với nhóm hộ không có

lao động di cư, đánh giá sẽ được dựa trên sự so sánh của chủ hộ với những hộ xung quanh (hàng xóm, họ hàng) có lao động di cư.

Ở nhóm hộ có lao động di cư, gần 67% chủ hộ cho rằng việc sử dụng đất nông nghiệp cho trồng trọt của hộ có xu hướng giảm, song song với đó là mức độ tăng lên của sử dụng lao động thuê (75% số hộ đánh giá tăng) và do đó chi phí đầu tư cho sản xuất cũng tăng ở 80% số hộ. Hệ quả là, thu nhập từ trồng trọt của phần lớn nhóm hộ có lao động di cư giảm (Bảng 4). Nhóm hộ không có lao động di cư có đánh giá tương đồng với nhóm hộ có lao động di cư khi 50% chủ hộ cho rằng họ phụ thuộc vào việc thuê mướn lao động trong trồng trọt. Cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày một trở nên phổ biến đã giúp các hộ tiết kiệm sức lao động, nhưng kéo theo đó là sự lệ thuộc không nhỏ vào việc thuê máy móc, đặc biệt ở khâu làm đất và gặt lúa. Vì thế ngay cả khi các hộ có đủ lao động gia đình thì hai khâu sản xuất này vẫn được thuê là chính. Tuy nhiên, nhóm hộ này có thể tiết kiệm chi phí từ các khâu sản xuất khác nên chỉ có 20% chủ hộ đánh giá rằng chi phí sản xuất tăng lên. Như đã đề cập ở trên, sinh kế của các hộ không có di cư lao động phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp, trong đó có trồng trọt. Với sự phụ thuộc này, tất cả các hộ trong nhóm đều có sản phẩm nông nghiệp bán ra thị trường, do đó so với nhóm hộ có lao động di cư thì nguồn thu từ trồng trọt của nhóm hộ không có lao động di cư tăng lên ở 90% số hộ.

Bảng 4. Đánh giá của hộ về ảnh hưởng của di cư lao động đến trồng trọt

Chỉ tiêu	Mức độ đánh giá (%)		
	Tăng	Giữ nguyên	Giảm
Hộ di cư (n = 60)			
Sử dụng đất đai	0	33,33	66,67
Sử dụng lao động thuê	75	25	0
Chi phí sản xuất	80	10	10
Thu nhập từ trồng trọt	6,67	31,66	61,67
Hộ không di cư (n = 20)			
Sử dụng đất đai	40	50	10
Sử dụng lao động thuê	50	25	0
Chi phí sản xuất	20	80	0
Thu nhập từ trồng trọt	90	10	0

Bảng 5. Đánh giá của hộ về ảnh hưởng của di cư lao động đến trồng trọt

Tên biến	Hệ số β	Significant	Exp (b)
Giới tính	0,326	0,659	1,385
Tuổi	0,031	0,571	1,032
Nghề nghiệp	1,211	0,534	3,355
Lao động di cư	0,835***	0,000	2,304
Lao động gia đình	-1,650**	0,006	0,192
Thu nhập từ di cư	0,250*	0,010	1,284
Đất nông nghiệp	0,002**	0,003	1,002
Hệ số tự do	2,057	0,581	-

Kiểm định cho sự phù hợp của mô hình Chi - Square 160,385 Sig 0,000; Nagelkerke R Square 0,810

Chú thích: * mức ý nghĩa 10%; ** mức ý nghĩa 5%; *** mức ý nghĩa 1%.

3.3.2. Mô hình lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng đến trồng trọt của hộ nông dân

Trong phần này, mô hình binary logistic sẽ được sử dụng để lượng hóa những ảnh hưởng của di cư lao động đến sản xuất trồng trọt của hộ nông dân và so sánh yếu tố nào ảnh hưởng nhiều hơn, từ đó có cơ sở đề xuất các biện pháp tác động nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của di cư lao động tới trồng trọt của hộ nông dân nói riêng và ngành trồng trọt của địa phương nói chung.

Biến phụ thuộc của mô hình đã được mô tả cụ thể trong phần phương pháp nghiên cứu. Biến độc lập giới tính và nghề nghiệp của chủ hộ là biến giả, nhận giá trị 0 và 1. Các biến còn lại là những biến liên tục.

Kết quả mô hình cho thấy số lượng lao động di cư, số lượng lao động gia đình, thu nhập từ di

cư và diện tích đất nông nghiệp là các yếu tố có ảnh hưởng tới hoạt động trồng trọt của hộ, trong đó lao động di cư thể hiện sự tác động lớn nhất, kế tiếp là thu nhập từ di cư (Bảng 5). Giả sử xác suất hộ trồng lúa ban đầu là 30%. Dựa theo công thức tính đề cập trong phương pháp nghiên cứu, có thể thấy khi số lượng lao động di cư tăng lên một người, xác suất để hộ trồng lúa sẽ là 49,7% (tăng 19,7%); khi thu nhập từ di cư tăng lên 1 triệu đồng/tháng, xác suất để các hộ trồng lúa sẽ là 35,5% (tăng 5,5%).

3.4. Gợi ý giải pháp

Trước những ảnh hưởng của di cư lao động đến trồng trọt của các hộ nông dân, chính quyền địa phương cần quan tâm đến một số giải pháp để hạn chế tác động của hiện tượng này như sau:

- Khuyến khích các hộ có nguồn lao động gia đình dồi dào tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích trồng trọt thông qua việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức dịch vụ nông nghiệp như: dịch vụ vật tư, giống, thủy lợi, bảo vệ thực vật, công tác thú y, mạng lưới khuyến nông.

- Xây dựng cơ chế phù hợp để các hộ nông dân thuận tiện trong việc cho thuê, cho mượn, dồn đổi đất sản xuất nông nghiệp theo hướng hộ không có nhu cầu sử dụng đất chuyển đổi cho hộ có nhu cầu mở rộng diện tích sản xuất; qua đó hạn chế hiện tượng ruộng đất bỏ hoang.

- Tăng cường áp dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp thông qua các chương trình trợ giá, trợ cấp cho hộ nông dân mua máy móc phục vụ sản xuất, hạn chế sự ảnh hưởng của thiếu lao động do di cư.

- Khuyến khích hộ nông dân trồng các giống lúa mới ngắn ngày và chất lượng cao nhằm giảm sự thâm dụng lao động nhưng vẫn nâng cao được thu nhập.

4. KẾT LUẬN

Di cư lao động là xu thế tất yếu của bất kỳ quốc gia nào trong thời kỳ phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp. Di cư lao động một mặt mang lại lợi ích kinh tế cho nơi họ dời đi thông qua tiền gửi về, nhưng mặt khác cũng để lại khoảng trống không nhỏ trong sự thiếu hụt lao động gia đình, đặc biệt cho sản xuất nông nghiệp. Các hộ nông dân có lao động di cư trên địa bàn xã Phụng Mao đã phải thích ứng với sự thay đổi quy mô lao động gia đình như thu hẹp diện tích trồng trọt bằng cách cho thuê mượn đất; thuê thêm lao động thời vụ; chỉ tập trung cấy 2 vụ lúa phục vụ nhu cầu gia đình thay vì trồng cả cây vụ đông như các hộ không có lao động di cư. Các hộ có nguồn thu nhập gửi về từ lao động di cư càng cao thì càng có xu hướng chuyển trồng 2 vụ lúa, bỏ vụ màu. Sự thích ứng của các hộ nông dân xã Phụng Mao cho thấy xu

hướng kết hợp hài hòa giữa hoạt động trồng trọt với di cư lao động nhằm nâng cao thu nhập nhưng vẫn đảm bảo an toàn lương thực cho hộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bergstedt C. (2012). The Life of the Land: gender, farmwork, and land in a rural Vietnamese village. Unpublished PhD thesis. University of Gothenburg.
- Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2019). Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh. Nhà xuất bản Thống kê.
- Đinh Phi Hồ (2011). Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển nông nghiệp. Nhà xuất bản Phương Đông.
- Hoang T.B (2009). Rural employment and life: Challenges to gender role in Vietnam's agriculture at present. Working Paper presented at FAO and ILO.
- ILO (2011). Báo cáo lao động phi chính thức. Nhà xuất bản Thống kê.
- Lê Thái Thị Băng Tâm (2011). Một vài đặc điểm của hộ gia đình sau khi bị thu hồi quyền sử dụng đất canh tác. Tạp chí Xã hội học. 3(115): 47-57.
- Mai Văn Hải (2000). Quan hệ dòng họ ở châu thổ sông Hồng. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nguyen A.T (2015). Migration and agricultural production in a Vietnamese village. Working Paper No 164 of Max Planck Institute for Social Anthropology. 42: 24.
- Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh (2019). Nhà xuất bản Thống kê.
- Nguyễn Hữu Chí (2017). Tổng quan về lao động di cư trong nước và những thách thức đặt ra ở Việt Nam. Tham luận hội thảo “Vấn đề pháp luật đặt ra với lao động di cư - Kinh nghiệm Việt Nam và Trung Quốc” ngày 28/11/2017 tại Hà Nội.
- Trần Nguyệt Minh Thu (2013). Vài nét về nhóm lao động di cư tự do nông thôn - đô thị trong vai trò hỗ trợ kinh tế gia đình. Tạp chí Xã hội học. 2(122): 1-9.
- UBND xã Phụng Mao (2019). Báo cáo tổng kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội xã Phụng Mao.
- UNFPA (2016). Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thống kê.
- Worldbank (2008). World Development Report 2008: Agriculture for Development. Washington, DC: Worldbank Group.